

Số: 03/2020/QĐST- DS

Sơn Tây, ngày 29 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 44/2019/TLST - DS ngày 04 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án này là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P

Địa chỉ: Số 25 Bis, đường N, Quận 1, thành phố H

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ- Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tuấn G- Phó Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ Miền Bắc - Ngân hàng TMCP P (Theo Quyết định ủy quyền số 2435/2018/QĐ-TGD ngày 07/8/2018 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP P).

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Thế D- Chuyên viên xử

lý nợ; Địa chỉ: Tầng 3, số 109 N, phường H, quận T, thành phố H.

- Bị đơn: 1/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn T, xã S, thị xã S1, thành phố H.

2/ Ông Phạm Tuấn D, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tiểu đoàn đào tạo Trường S, xã S, thị xã S1, thành phố H.

(Anh D ủy quyền cho chị H theo giấy ủy quyền ngày 20/7/2019).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến ngày 19/6/2020 bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Tuấn D nợ Ngân hàng TMCP P gồm: Nợ gốc 1.336.161.595 đồng; Nợ lãi trong hạn 287.692.002 đồng; Nợ lãi quá hạn 4.176.556.809 đồng. Tổng cộng 5.800.410.406 đồng (Năm tỷ, tám trăm triệu, bốn trăm mười nghìn, bốn trăm linh sáu đồng).

Bà H và ông D phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc cho Ngân hàng, kể từ ngày 20/6/2020 đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất của Hợp đồng tín dụng số 94/11/HĐTD -073 ngày 22/8/2011.

Nếu bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Tuấn D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng là:

1. Toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số 7, thôn T, xã S, thị xã S1, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BA 607323, số vào sổ cấp GCN: CH 00559 do UBND thị xã S1, thành phố H cấp ngày 07/01/2011 cho bà Nguyễn Thị H (Thực tế thửa đất số 11, tờ bản đồ số 7, thôn T, xã S, thị xã S1, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BA 607323 chị H đã thế chấp cho Ngân hàng là tại thôn T, xã S, thị xã S1, thành phố H là một thửa).

2. Chiếc xe ô tô có biển đăng ký số: 29A- 079.72 có đặc điểm:

- Nhãn hiệu DEAWOO; Số loại: LACETTI; Loại xe: ô tô con;
- Màu sơn: Ghi; Số máy: F16D37907811;
- Số khung: RLLANF46DAH998594; Năm sản xuất: 2010; Số chỗ ngồi: 05;

Đăng ký lần đầu ngày 20/01/2011 theo đăng ký xe ô tô số 097847 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an thành phố H cấp ngày 20/01/2011 đứng tên bà Nguyễn Thị H.

3. Chiếc xe ô tô có biển đăng ký số: 29A- 079.73 có đặc điểm:

- Nhãn hiệu DEAWOO; Số loại: LACETTI; Loại xe: ô tô con;
- Màu sơn: Đen; Số máy: F16D37977541;

- Số khung: RLLANF46DAH998342;

Năm sản xuất: 2010; Số chỗ ngồi: 05;

Đăng ký lần đầu ngày 20/01/2011 theo đăng ký xe ô tô số 097848 do phòng cảnh sát giao thông – Công an thành phố H cấp ngày 20/01/2011 đứng tên bà Nguyễn Thị H.

2.2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Tuấn D chịu toàn bộ 56.520.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, bà H và ông D có đơn xin giảm án phí do hoàn cảnh kinh tế khó khăn được UBND xã S xác nhận, nên giảm $\frac{1}{2}$ số tiền án phí bà H, ông D phải chịu là 14.130.000 đồng. Bà H và ông D còn phải nộp 42.390.000 đồng (Bốn mươi hai triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP P số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/ 0007953 ngày 04/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S1, H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TX. Sơn Tây;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lưu Ngọc Hưng